

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BỘ GIÁO DỤC VÀ  
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2006/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Chương trình dạy tiếng Chăm  
cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi****BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Theo Kết luận của Hội đồng thẩm định Chương trình dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi ngày 11 tháng 02 năm 2006;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chương trình tiếng Chăm kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn giáo trình, tài liệu dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Vọng**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ  
ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

**Dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2006/QĐ-BGDĐT  
ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

### **I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Học xong Chương trình này, học viên là cán bộ, công chức (sau đây gọi là học viên) đạt các yêu cầu sau:

1. Có kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, nói đúng, viết đúng để có khả năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Chăm.
2. Có kiến thức cần thiết ban đầu về tiếng Chăm: hệ thống chữ viết, bộ vần, quy tắc chính tả và ngữ pháp tiếng Chăm; có hiểu biết cần thiết về con người, văn hóa truyền thống và phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Chăm.
3. Có tinh thần phát huy, bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Chăm.

### **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Phù hợp với đối tượng**

Nội dung chương trình được biên soạn tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao; tạo điều kiện cho việc tổ chức dạy học một cách linh hoạt giúp học viên là những cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Chăm, chưa biết tiếng Chăm, có nhu cầu hoặc được cử đi học tiếng Chăm như một ngôn ngữ thứ hai đạt được mục tiêu mà Chương trình đã đề ra khi kết thúc khóa học.

## 2. Giao tiếp

Quan điểm này thể hiện ở định hướng sau: tập trung hình thành và rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết); chú ý hơn kỹ năng nghe, nói; hình thành và rèn luyện các kỹ năng với những mẫu câu cơ bản, các lớp từ ngữ thông dụng, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; ưu tiên thực hành, chú ý kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hàng ngày.

## 3. Tích hợp

Việc rèn luyện kỹ năng nghe, nói cần kết hợp với kỹ năng đọc, viết; lấy các bài đọc làm cơ sở để rèn luyện kỹ năng và dạy các kiến thức ngôn ngữ. Qua các bài đọc cung cấp thêm cho học viên những hiểu biết về tâm lý, tình cảm, văn hóa truyền thống của đồng bào Chăm; những kiến thức phổ biến về khoa học pháp luật, chính trị để học viên có thể vận dụng và hoàn thành tốt hơn công tác được giao.

# III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

## 1. Thời lượng Chương trình

Chương trình gồm 450 tiết.

## 2. Cấu trúc Chương trình và phân bổ thời lượng cụ thể

a) Cấu trúc chương trình:

- Chương trình được thiết kế thành các cụm bài (khoảng trên hoặc dưới 10 cụm bài). Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề. Thời lượng cho mỗi cụm bài khoảng 45 tiết, mỗi tiết 45 phút.

- Chương trình dạy tiếng Chăm được chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 học âm, vần và giai đoạn 2 học theo các bài học tích hợp.

- Mỗi cụm bài gồm các bài học tích hợp. Mỗi bài học tích hợp gồm các phần sau:

+ Bài đọc (kết hợp dạy âm, vần);

+ Từ ngữ, Ngữ pháp;

+ Luyện nghe, nói, đọc, viết.

b) Phân bổ thời lượng cụ thể: số tiết dành cho luyện nghe, luyện nói chiếm khoảng 60% tổng thời gian của bài học. Số tiết luyện đọc, luyện viết, từ ngữ, ngữ pháp chiếm thời lượng khoảng 40% tổng thời gian của bài học. Thời lượng trên bao gồm cả thời lượng cho việc ôn tập và kiểm tra, đánh giá.

## IV. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT

### 1. Về kỹ năng:

a) Nghe hiểu ý kiến của đồng bào về những vấn đề đơn giản. Nghe hiểu ý chính những mẫu chuyện, tin tức ngắn, các bài phổ biến ngắn, đơn giản về khoa học - kỹ thuật, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Giao tiếp được với đồng bào bằng tiếng Chăm về những vấn đề gần gũi, thiết thực. Nói lại được ý chính của cuộc trao đổi, của những chuyện đã nghe, đã đọc những mẫu tin, thông báo.

c) Đọc được rõ ràng, tương đối trôi chảy những văn bản ngắn, đơn giản (mẫu tin, văn bản phổ biến khoa học, thông báo, mẫu chuyện dân gian, bài văn, bài thơ ngắn, văn bản chính sách, pháp luật). Hiểu được ý chính của bài. Thuộc lòng một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, một số bài văn vần phổ biến của đồng bào dân tộc Chăm.

d) Viết rõ nét các chữ cái, dấu âm trong tiếng và từ tiếng Chăm; viết đúng chính tả đoạn, bài văn ngắn với chữ cỡ nhỏ có độ dài từ 80 đến 100 từ. Viết được những bức thư ngắn, những mẫu tin, thông báo, đơn từ, đoạn văn kể đơn giản có độ dài từ 60 đến 80 từ, không mắc nhiều lỗi chính tả.

### 2. Về kiến thức

a) Biết hệ thống chữ cái, âm vần, hệ thống dấu âm và cách ghép âm vần của tiếng Chăm.

b) Biết khoảng 1000 từ, ngữ (bao gồm cả thành ngữ) theo các chủ đề học tập. Nhận biết được từ đơn tiết, từ đa tiết (từ có Lang - likuk), từ đồng nghĩa và trái nghĩa.

c) Biết một số kiểu câu trần thuật đơn (Ai là ai? Ai làm gì? Ai thế nào?); một số thành phần câu (qua bài tập đặt câu và trả lời câu hỏi: Ai? Làm gì? Thế nào? Bao nhiêu? Khi nào? Bao giờ? Ở đâu? Vì sao? Để làm gì? Bằng gì? Như thế nào? ...); nhận biết câu ghép.

d) Có hiểu biết về phong tục, tập quán và văn hóa truyền thống; hiểu và sử dụng được các ngôn ngữ phù hợp với các nghi thức giao tiếp, ứng xử của đồng bào Chăm.

### 3. Về thái độ tình cảm

a) Có ý thức bảo tồn và phát huy tiếng nói, chữ viết, phong tục và văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Chăm.

b) Có thói quen học tập, sử dụng tiếng nói, chữ viết Chăm trong công tác và trong đời sống sinh hoạt hằng ngày.

## V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

**1. Nội dung dạy chữ cái, dấu âm, âm, vần,** (dành cho chữ Chăm Thrah, các vùng khác, nội dung này tùy thuộc vào bộ chữ của từng địa phương)

- 37 chữ cái: luyện phát âm, luyện viết
- 24 dấu âm: luyện phát âm, luyện viết
- 18 vần đơn giản: luyện phát âm, luyện viết
- 10 chữ số + 10 nét viết cơ bản: luyện đọc, luyện viết
- 04 nhóm vần phức tạp: luyện phát âm, luyện viết
- 13 phụ âm cuối + các dấu phụ âm
- Các chữ cái thuộc dạng Lang - likuk
- Các nguyên âm đôi: luyện phát âm, luyện viết
- Cách ghép vần với chữ cái: luyện phát âm, luyện viết.

## 2. Tích hợp dạy kiến thức và kỹ năng theo hệ thống chủ đề

Chủ đề/Tập đọc	Kiến thức (ngôn ngữ và văn hóa)	Kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết)
<p><b>1. Gia đình, dòng tộc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ và tình cảm gia đình</li> <li>- Đồ dùng, vật dụng trong nhà</li> <li>- Kinh tế gia đình</li> <li>- Tục mẫu hệ, phụ hệ</li> <li>- Hôn nhân</li> <li>- Sinh đẻ có kế hoạch</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về quan hệ gia đình, dòng tộc.</li> <li>- Từ ngữ về ngày tháng.</li> <li>- Từ xưng hô.</li> <li>- Đại từ nhân xưng.</li> <li>- Số đếm, số thứ tự.</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào hỏi</li> <li>- Cách chào tạm biệt</li> <li>- Hỏi và trả lời câu hỏi về giờ, tên, tuổi, năm sinh</li> <li>- Giới thiệu về gia đình</li> <li>- Hỏi và trả lời câu hỏi Có... không? Ai là ai? Bao nhiêu?</li> <li>- Tập viết chữ, viết chính tả</li> </ul>
<p><b>2. Làng xã</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình cảm quê hương</li> <li>- Già làng, chức sắc tôn giáo của người Chăm</li> <li>- Các vùng cư trú của người Chăm</li> <li>- Luật lệ, hương ước</li> <li>- Quê hương đổi mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về làng xã, về chức sắc.</li> <li>- Từ đơn và từ ghép.</li> <li>- Từ phái sinh, trung tố và tiền tố.</li> <li>- Từ láy.</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xin lỗi. Cảm ơn.</li> <li>- Cách hỏi đường đi</li> <li>- Giới thiệu về làng xã.</li> <li>- Cách thể hiện ý nghĩa thời gian của hoạt động.</li> <li>- Hỏi và trả lời câu hỏi Ai làm gì?</li> <li>- Tập viết chữ</li> <li>- Viết chính tả</li> </ul>
<p><b>3. Thiên nhiên, môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mùa, thời tiết, khí hậu</li> <li>- Núi đồi, đồng ruộng, sông, suối, biển</li> <li>- Động vật</li> <li>- Thực vật</li> <li>- Bảo vệ thiên nhiên, môi trường (theo tập quán, theo pháp luật).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về thiên nhiên.</li> <li>- Từ ngữ về đo lường (theo cách đo truyền thống của người Chăm).</li> <li>- Số thập phân, số phần trăm.</li> <li>- Từ nghi vấn.</li> <li>- Từ chỉ mức độ.</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý, từ chối</li> <li>- Trao đổi ý kiến về bảo vệ môi trường</li> <li>- Cách thể hiện ý nghĩa mức độ, tính chất của sự việc</li> <li>- Hỏi và trả lời câu hỏi Ai thế nào?</li> <li>- Tập viết chữ</li> <li>- Viết chính tả</li> </ul>

<p><b>4. Đất nước, quốc gia, quốc tế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ quốc Việt Nam</li> <li>- Người Chăm và các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam</li> <li>- Di tích và danh lam thắng cảnh Chăm</li> <li>- Việt Nam, Đông Nam Á và thế giới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về địa lý, lịch sử nước ta, về các dân tộc anh em.</li> <li>- Cụm động từ.</li> <li>- Đại từ chỉ định.</li> <li>- Đại từ bất định.</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi ý kiến về tình đoàn kết, sự giúp đỡ giữa các dân tộc anh em</li> <li>- Hỏi và trả lời các câu hỏi Ở đâu? Khi nào? Bao giờ? Đã... chưa?</li> <li>- Viết chính tả</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn có nội dung phù hợp với chủ đề đang học.</li> </ul>
<p><b>5. Làng Chăm ơn Đảng và Bác Hồ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làng Chăm ơn Đảng và Bác Hồ</li> <li>- Những mâu chuyện về Bác Hồ</li> <li>- Tình cảm Bác Hồ với dân tộc thiểu số</li> <li>- Đảng viên người dân tộc Chăm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về Đảng, Bác Hồ.</li> <li>- Cụm danh từ</li> <li>- Loại từ.</li> <li>- Cách so sánh bằng, hơn, nhất</li> <li>- Từ đồng nghĩa</li> <li>- Từ trái nghĩa</li> <li>- Từ đa nghĩa</li> <li>- Từ đồng âm</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói về tình cảm với Đảng và Bác Hồ</li> <li>- Hỏi và trả lời các câu hỏi Vì sao? Để làm gì?</li> <li>- Viết chính tả</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn có nội dung phù hợp với chủ đề đang học.</li> </ul>
<p><b>6. Lao động, sản xuất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống lao động của người Chăm</li> <li>- Ngành nghề, làng nghề truyền thống của người Chăm (thêu, dệt, làm gốm...)</li> <li>- Chính sách xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng.</li> <li>- Áp dụng khoa học kỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về lao động sản xuất.</li> <li>- Câu hỏi tổng quát</li> <li>- Câu hỏi chọn lựa</li> <li>- Câu hỏi chuyên biệt</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách hỏi giá cả. Luyện câu hỏi chọn lựa.</li> <li>- Cách thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú.</li> <li>- Trao đổi về phát triển sản xuất. Luyện câu hỏi tổng quát, câu hỏi chuyên biệt.</li> <li>- Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ điểm</li> <li>- Hỏi và trả lời câu hỏi Như thế nào?</li> </ul>



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gương làm giàu</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết chính tả</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn có nội dung phù hợp với chủ đề đang học.</li> </ul>
<p><b>7. Khoa học, giáo dục</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống hiếu học Việt Nam</li> <li>- Thành tựu giáo dục sau năm 1975</li> <li>- Đưa khoa học vào đời sống của người Chăm</li> <li>- Tháp Chăm, thành tựu khoa học của người Chăm</li> <li>- Chống mê tín</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về học tập</li> <li>- Câu tường thuật</li> <li>- Phủ định và khẳng định, từ phủ định</li> <li>- Câu cầu khiến</li> <li>- Câu thúc giục</li> <li>- Câu ngăn cấm</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thể hiện thái độ khen, chê; chia vui, chia buồn. Luyện câu tường thuật (dạng phủ định và dạng khẳng định).</li> <li>- Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ đề.</li> <li>- Trao đổi ý kiến về bài trừ mê tín, dị đoan, đưa khoa học vào đời sống. Luyện các loại câu cầu khiến, thúc giục, ngăn cấm.</li> <li>- Viết chính tả.</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn, thông báo đơn giản.</li> <li>- Viết bài giới thiệu ngắn gọn với chủ đề đang học.</li> </ul>
<p><b>8. Chăm sóc sức khỏe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thân thể</li> <li>- Giữ vệ sinh cá nhân và môi trường xung quanh</li> <li>- Những tập quán có hại cho sức khỏe; các loại bệnh thông thường</li> <li>- Thể dục, thể thao truyền thống</li> <li>- Khám chữa bệnh: đến bệnh xá, y học cổ truyền của người Chăm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về sức khỏe</li> <li>- Câu cảm thán</li> <li>- Tiểu từ tình thái cuối câu</li> <li>- Câu đơn một thành phần và câu đơn hai thành phần</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời, nhờ, đề nghị. Luyện câu cảm thán.</li> <li>- Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ điểm.</li> <li>- Trao đổi về giữ gìn vệ sinh, chăm sóc sức khỏe. Luyện câu đơn một thành phần và hai thành phần.</li> <li>- Viết chính tả.</li> <li>- Viết đoạn văn kể chuyện, kể việc đơn giản</li> </ul>

09694042

LawSoft \* Tel: 84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

<p><b>9. Bảo vệ Tổ quốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam</li> <li>- Làng Chăm thanh bình</li> <li>- An ninh, trật tự</li> <li>- Bảo vệ biên giới</li> <li>- Những mẫu chuyện người tốt việc tốt bảo vệ an ninh trật tự</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về bảo vệ Tổ quốc.</li> <li>- Câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ.</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe, kể một vài câu chuyện hợp với chủ điểm.</li> <li>- Trao đổi ý kiến về bảo vệ an ninh, trật tự. Luyện câu ghép đẳng lập và chính phụ.</li> <li>- Viết chính tả.</li> <li>- Viết đoạn văn kể hoặc tả đơn giản; viết đơn từ.</li> </ul>
<p><b>10. Văn hóa, pháp luật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam</li> <li>- Âm nhạc Chăm</li> <li>- Nghệ thuật múa Chăm</li> <li>- Những lễ hội tiêu biểu của người Chăm</li> <li>- Trò chơi dân gian Chăm</li> <li>- Phong tục tập quán Chăm</li> <li>- Truyện dân gian Chăm</li> <li>- Bảo tồn và phát triển văn hóa Chăm</li> <li>- Xây dựng nếp sống mới</li> <li>- Quyền lợi và nghĩa vụ công dân gắn với một số luật cơ bản</li> <li>- Chủ trương và chính sách dân tộc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về văn hóa, nghệ thuật</li> <li>- Từ nói: Liên từ</li> <li>- Từ nói: Giới từ</li> <li>- Cặp từ nối</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ đề.</li> <li>- Trao đổi ý kiến về xây dựng nếp sống mới.</li> <li>- Viết chính tả.</li> <li>- Viết đoạn văn kể hoặc tả đơn giản, viết đơn từ...</li> <li>- Viết bài giới thiệu ngắn gọn với chủ đề đang học.</li> </ul>

## VI. GIẢI THÍCH, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Tính pháp lý của bộ chữ Chăm và vấn đề phương ngữ

#### a) Tính pháp lý của bộ chữ Chăm

Đồng bào dân tộc Chăm cư trú chủ yếu ở Trung Trung bộ (Bình Định, Phú Yên), Nam Trung bộ (Ninh Thuận, Bình Thuận), Nam bộ (TP. HCM, Tây Ninh, An Giang...). Ở mỗi vùng cư trú, đồng bào Chăm sử dụng các bộ chữ viết khác nhau: vùng Nam Trung bộ sử dụng bộ chữ Chăm cổ truyền (Akhar Thrah); vùng Nam bộ sử dụng bộ chữ Chăm Jawi; vùng Trung Trung bộ sử dụng bộ chữ tự xây dựng theo hệ chữ viết La tinh. Do vậy việc sử dụng bộ chữ Chăm để biên soạn tài liệu dạy học theo chương trình này do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### b) Vấn đề phương ngữ

Tiếng Chăm ở mỗi vùng về cơ bản là thống nhất, sự khác biệt chủ yếu là ở cách phát âm không đồng nhất một số từ ngữ (hiện tượng lược bớt âm và biến âm trong khi nói).

Để giải quyết vấn đề phương ngữ, khi biên soạn tài liệu dạy học cần có mục đối chiếu các phương ngữ sau từng bài khóa hoặc có bảng từ ngữ đối chiếu ở cuối tài liệu. Bên cạnh đó cần trang bị cho học viên các tài liệu công cụ như: Sổ tay từ ngữ các phương ngữ tiếng Chăm, Từ điển so sánh Việt - Chăm, Chăm - Việt để học viên tham khảo và tra cứu.

### 2. Cấu trúc nội dung của Chương trình

#### a) Đặc điểm cấu trúc

Cấu trúc chương trình theo chủ đề là giải pháp để thực hiện mục tiêu rèn kỹ năng và trang bị kiến thức cho học viên. Thông qua hệ thống chủ đề, tài liệu dạy học giúp học viên mở rộng, hệ thống hóa, tích cực hóa vốn từ, trang bị những kiến thức ngữ pháp sơ giản ban đầu (qua các bài tập thực hành), đồng thời giúp học viên có thêm những hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Chăm để họ hòa nhập với đồng bào, làm tốt công tác được giao.

Chương trình nêu lên 10 chủ đề, nhưng khi biên soạn tài liệu học tập (sách giáo khoa tiếng Chăm), cần căn cứ vào yêu cầu, đối tượng và nội dung học tập của Chương trình này để đề xuất thêm các chủ đề cần thiết và phân bố lại thời lượng cho phù hợp với mỗi chủ đề của Chương trình.

#### b) Cấu trúc và nhiệm vụ của bài học

Chương trình đặt tên cho các bài học là: Tập đọc, Học vần (bao gồm cả việc học chữ và âm, vần), Luyện viết, Luyện nghe, Luyện nói với mục đích rèn luyện kỹ năng, trang bị kiến thức phù hợp với đối tượng học.

Nhiệm vụ của các bài học cụ thể như sau:

- Tập đọc, Học vần: cung cấp cho học viên hệ thống ký hiệu chữ viết, hệ thống các âm, vần tiếng Chăm; rèn cho học viên các kỹ năng phát âm, đọc thành tiếng, đọc thầm các ký tự và tổ hợp các ký tự thành tiếng, từ, cụm từ và câu; rèn kỹ năng nghe, nói và viết; đồng thời cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt và trang bị cho học viên những hiểu biết cần thiết về đời sống.

Từ ngữ, Ngữ pháp: giúp học viên mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Chăm thông qua các bài Tập đọc và rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu (luyện nói viết thành câu).

- Luyện nghe: rèn cho học viên kỹ năng nghe thông qua các hình thức nghe kể chuyện, nghe đọc, nghe câu hỏi và ý kiến trao đổi của giáo viên, học viên cùng lớp.

- Luyện nói: rèn cho học viên kỹ năng nói thông qua các hình thức đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, nói theo câu hỏi gợi ý, theo đề tài.

- Luyện viết: rèn kỹ năng viết chữ, viết chính tả từ, câu, đoạn, bài ngắn; tạo lập một vài kiểu văn bản (đoạn văn, mẫu tin, thông báo) ở mức sơ giản.

### 3. Phân bổ thời lượng cho các bài học

Sự phân bổ thời lượng cho các bài học trong Kế hoạch dạy học cần tránh tình trạng dành quá nhiều hoặc quá ít thời gian không hợp lý cho một kiến thức hoặc một kỹ năng nào đó. Trong phạm vi thời lượng dành cho mỗi bài học, người biên soạn tài liệu dạy học có thể chủ động sắp xếp thời gian để dạy kiến thức, kỹ năng mới hay ôn luyện, củng cố kiến thức, kỹ năng đã học. Ví dụ, với lớp học viên đã có ít nhiều khả năng nghe, nói, giảng viên có thể giảm thời lượng dành cho bài Luyện nghe, Luyện nói, tăng thời lượng cho bài Luyện đọc, Luyện viết.

### 4. Về tài liệu dạy học

a) Ngữ liệu đưa vào dạy học là các tác phẩm, trích đoạn văn học truyền thống (truyện dân gian, thơ ca dân gian, dân ca); các tác phẩm, trích đoạn văn học hiện đại; các văn bản phổ biến khoa học, pháp luật và văn bản thông thường.

b) Chương trình này là căn cứ để tập thể tác giả biên soạn bộ tài liệu dạy học tiếng Chăm cho học viên và sách hướng dẫn giảng dạy cho giảng viên. Ngôn ngữ dùng trong các tài liệu trên bằng cả hai thứ tiếng: Chăm và Việt.

## 5. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

### a) Về phương pháp dạy học

Để việc dạy học tiếng Chăm đạt được mục tiêu là rèn luyện học viên có các kỹ năng giao tiếp và được trang bị kiến thức một cách nhanh chóng, có hiệu quả, cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học viên, chú ý tới những phương pháp đặc trưng của môn học như:

- Phương pháp thực hành giao tiếp: hướng dẫn học viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể bằng tiếng Chăm, nhằm khắc sâu tri thức và rèn kỹ năng. Đây là phương pháp chủ yếu để phát triển kỹ năng nói cho từng học viên.

- Phương pháp phân tích ngôn ngữ: hướng dẫn học viên quan sát, phân tích các hiện tượng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chính tả để tìm ra những nét đặc trưng của những hiện tượng ấy, nhằm sử dụng đúng trong giao tiếp.

- Phương pháp rèn luyện theo mẫu: giảng viên chọn và giới thiệu các mẫu hoạt động lời nói, giúp học viên hiểu và nắm được cơ chế của chúng, sau đó rút ra bài học để tạo ra lời nói của mình.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: so sánh, đối chiếu các kiến thức đã có với các kiến thức đang học, đối chiếu ngôn ngữ dân tộc với ngôn ngữ phổ thông để tìm ra sự giống nhau và khác nhau giữa hai hệ thống ngôn ngữ.

### b) Về hình thức tổ chức dạy học

Để giờ học sinh động, có hiệu quả, hoạt động của học viên cần có sự thay đổi với nhiều hình thức tổ chức học tập như: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, làm việc chung. Học viên làm việc độc lập trong trường hợp câu hỏi, bài tập đặt ra những yêu cầu cụ thể, tương đối dễ thực hiện. Trong trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối khó hay đòi hỏi một sự khái quát nhất định hoặc nếu làm việc chung theo đơn vị lớp mà có ít học viên được hoạt động thì tổ chức làm việc theo nhóm. Hình thức làm việc chung được áp dụng chủ yếu trong trường hợp giảng viên và học viên trao đổi, đối thoại làm mẫu, trả lời những câu hỏi đơn giản hoặc học viên trình bày kết quả thực hành của cá nhân, của nhóm trước lớp.

Các hình thức tổ chức dạy học cần khuyến khích học viên kết hợp việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong cộng đồng dân tộc mà mình đang công tác và sinh sống.

## 6. Về đánh giá kết quả học tập

### a) Nội dung và hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả học tập có tác dụng động viên, khuyến khích học viên học tập, đồng thời giúp kiểm soát, quản lý chất lượng học tập. Đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo hai phương thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Việc đánh giá cần bảo đảm các nguyên tắc toàn diện và khách quan. Những kỹ năng nghe và nói cần được kiểm tra, đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn so với kỹ năng đọc và viết. Cách kiểm tra, đánh giá cần đa dạng hóa và phù hợp với từng kỹ năng:

Các kỹ năng đọc thành tiếng, viết chữ được đánh giá qua hoạt động thực hành của học viên.

Các kỹ năng nghe và nói được đánh giá bằng hình thức vấn đáp và kiểm tra miệng trên lớp.

- Các kỹ năng đọc hiểu, dùng từ, đặt câu, những kiến thức sơ giản về quy tắc chính tả, từ vựng, ngữ pháp được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và những câu hỏi mở.

Các kỹ năng viết đoạn, bài văn ngắn, đơn giản được đánh giá bằng bài kiểm tra viết (tự luận).

b) Chứng chỉ: việc cấp chứng chỉ cho học viên căn cứ trên kết quả học tập cả đợt và kỳ thi cuối khóa.

## 7. Loại hình đào tạo

a) Đào tạo tập trung một đợt tại các lớp học theo thời gian quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

b) Đào tạo tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

c) Đào tạo bán tập trung: học viên vừa công tác vừa theo học một số buổi trong tuần hoặc một số ngày trong tháng. Kết thúc Chương trình, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

d) Tự học có hướng dẫn: Học viên tự học qua tài liệu. Kết thúc mỗi phần được quy định trong Chương trình và tài liệu, học viên được giảng viên hướng dẫn tiếp cho đến hết Chương trình, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

## 8. Điều kiện thực hiện Chương trình

a) Để đạt được mục tiêu Chương trình, cần đảm bảo các điều kiện cơ bản sau:

- Có đủ tài liệu học tập cho học viên, sách hướng dẫn cho giảng viên
- Có đủ giảng viên dạy tiếng Chăm và thông thạo tiếng Việt
- Có đủ phòng học

b) Các điều kiện khác (tùy vào từng địa phương)

- Có các loại sách bổ trợ (truyện đọc, thơ ca, đồng dao bằng tiếng Chăm); sách công cụ (Từ điển Việt - Chăm, Chăm - Việt, Sổ tay từ ngữ, Phương ngữ Chăm, Ngữ pháp tiếng Chăm).

- Có trang thiết bị dạy học, phương tiện nghe, nhìn, băng casset, máy ghi âm, băng đĩa học tiếng./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Vọng**